

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỪNG KHÁNH  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 30/6/2020  
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vi Khánh Dân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Dự và Bà Mã Thị Huệ.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Bà Ma Kim Hiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Đ**, sinh năm 1994; Đăng ký HKTT: Xóm N, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tạm trú: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh **Chu Văn T**, sinh năm 1988; Đăng ký HKTT: Xóm N, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Phan Thị Đ trình bày như sau:*

Chị Phan Thị Đ và anh Chu Văn T tổ chức cưới theo phong tục, sống chung từ đầu năm 2014. Đến ngày 12/12/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà chồng và có 01 con chung là Chu Khôi N, sinh ngày 01/11/2014. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, và nay anh T đã mắc vào tệ nạn xã hội (sử dụng ma túy) và anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị mong Tòa giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Hiện cháu Chu Khôi N đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Chu Văn T trình bày như sau:*

Về thời gian sống chung, kết hôn và con chung như chị Đ trình bày là đúng. Đến năm 2016, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý. Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị Đ; Về con chung: Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì thêm.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Đ được ly hôn với anh Chu Văn T; về con chung: giao cháu Chu Khôi N cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng vì chị Đ không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định các vấn đề cần giải quyết như sau:*

- Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Chị Đ và anh T đã được Tòa án triệu tập đến để tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, anh T đã không hợp tác nên chị Đ đã yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Nội dung vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Đ và anh Chu Văn T tổ chức cưới theo phong tục và sống chung với nhau từ đầu năm 2014, đến tháng 12/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo

quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Đ yêu cầu ly hôn, tại lời khai anh T không đồng ý.

Qua quá trình thu thập chứng cứ thể hiện: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh T không hạnh phúc, nguyên nhân do mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên tranh cãi, thực tế hai người đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy, anh T đã không thực hiện nghĩa vụ của người chồng là chăm sóc vợ, con; anh T không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Đ.

[2]. *Về con chung*: Chị Phan Thị Đ và anh Chu Văn T có 01 con chung, tên là Chu Khôi N, sinh ngày 01/11/2014. Chị Đ có nguyện vọng sau khi ly hôn chị được trực tiếp chăm sóc con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T không đồng ý.

Qua quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Cháu Chu Khôi N sinh ngày 01/11/2014 hiện nay đang còn nhỏ (dưới 07 tuổi) đang sống cùng với chị Đ bên nhà bố mẹ chị Đ và được tạo điều kiện học hành. Xét thấy, chị Đ đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường cho cháu N nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu nuôi con chung của anh T: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại tòa xác định anh T hiện nay đã mắc tệ nạn xã hội (tại phiên tòa anh khai đã sử dụng ma túy), không có thu nhập ổn định. Xét thấy, anh T không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vậy nên, Tòa án không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của anh T.

Theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[3]. *Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng*: Tại lời khai và tại phiên tòa, chị Đ và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận định của Tòa án: Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt vấn đề cấp dưỡng để xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Đ và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu của các đương sự.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Đ và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### ***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phan Thị Đ được ly hôn với anh Chu Văn T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Chu Khôi N, sinh ngày 01/11/2014 cho chị Phan Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Chu Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Phan Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Xác nhận chị Đ đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số: AA/2011/02162 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Anh Chu Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- UBND Thị trấn T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vi Khánh Dân**